

Bản án số: 58/2020/HS-ST
Ngày 16-9-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Vũ Văn Thi

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 47/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2020 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 39/2020/TB-TA ngày 31 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Thị T (tên gọi khác: H) sinh ngày 09 tháng 10 năm 1981, tại Hải Phòng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 8/20/211 T, phường A, Quận L, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 32 C, thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Công T và bà Trần Kim C; có chồng là Trần Đình H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/05/2020 đến ngày 15/05/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Dương Văn T sinh ngày 06 tháng 11 năm 1981, tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn Q, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn A và bà Lê Thị Đ; có vợ Đào Thị Hương T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/5/2020 đến ngày 15/5/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Lê Văn T sinh ngày 14 tháng 9 năm 1988, tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn C, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình

độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Mi và bà Phạm Thị T; có vợ là Nguyễn Thị Bích L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/05/2020 đến ngày 15/5/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Trịnh Văn B (tên gọi khác: Trịnh Văn P) sinh ngày 07 tháng 8 năm 1977, tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn B và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Đinh Thị T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Có 01 tiền sự đã được xóa tại Quyết định số 2823/QĐ ngày 06/11/2003 Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; 01 tiền án đã được xóa án tại bản án số 01/2008/HSST ngày 17/01/2008 Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/05/2020, tạm giam từ ngày 15/5/2020; có mặt.

5. Đỗ Duy N sinh ngày 29 tháng 01 năm 2001, tại Hải Phòng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 37/55/56 P, phường V, Quận N, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 10/61/38 A, thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn K và bà Bùi Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 28/8/2020 Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng N khởi tố và tạm giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo bị tạm giữ về hành vi đánh bạc từ ngày 08/05/2020 đến ngày 15/05/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Móng Cái theo Lệnh tạm giam số 112 ngày 28/8/2020 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng N; vắng mặt.

6. Nguyễn Thị H sinh ngày 12 tháng 5 năm 1983, tại Hải Phòng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 4/21/383 L, phường L, Quận L, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy L và bà Đồng Thị L; có chồng là Vũ Thành T (đã ly hôn) và có 04 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/05/2020 đến ngày 15/05/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Phạm Văn C sinh ngày 28 tháng 10 năm 1994, tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Số 30 C, thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Phạm Hồng N; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/05/2020 đến ngày 15/05/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Vũ Thị Vân A sinh ngày 16 tháng 7 năm 1985, tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Số 108 C, thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự

do; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Mạnh H và bà Nguyễn Thị L; chưa có chồng và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/05/2020 đến ngày 15/05/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

9. Vũ Thị H sinh ngày 03 tháng 4 năm 1988; Nơi cư trú: Số 108 C, thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Mạnh H và bà Nguyễn Thị L; có chồng là Đào Mạnh H và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/05/2020 đến ngày 15/05/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

10. Bùi Thị T sinh ngày 19 tháng 5 năm 1955, tại Hải Phòng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 5B/11 Đ, phường Đ, Quận N, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 54 C, thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 3/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đình K và bà Đào Thị N; có chồng là Trịnh Văn T và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/05/2020 đến ngày 15/05/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 45 phút ngày 08/5/2020, tại đường đê C, thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, Công an thành phố Hải Phòng phối hợp cùng Công an xã A, huyện A phát hiện một số đối tượng đang thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. Lực lượng Công an bắt giữ Đỗ Thị T, Vũ Thị H, Nguyễn Thị H, Vũ Thị Vân A, Bùi Thị T, Dương Văn T, Phạm Văn C, Trịnh Văn B, Đỗ Duy N, Lê Văn T còn một số đối tượng chạy thoát. Vật chứng thu giữ gồm: Thu giữ tại chiếu bạc 01 chén bằng sứ và 01 đĩa bằng sứ; 04 quân vị bằng vỏ hạt dưa, 09 ghế nhựa các loại và số tiền 16.000.000 đồng; thu giữ của Đỗ Thị T 1.700.000 đồng, của H 11.085.000 đồng, của H 1.700.000 đồng và 01 điện thoại di động Nokia, của Vân A 01 điện thoại di động Nokia, của Dương Văn T 6.200.000 đồng, của B 2.000.000 đồng và 03 điện thoại di động, của N 800.000 đồng và của Lê Văn T 500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 46/CT-VKS-AD ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Đỗ Thị T, Vũ Thị H, Nguyễn Thị H, Vũ Thị Vân A, Bùi Thị T, Dương Văn T, Lê Văn T, Phạm Văn C, Trịnh Văn B và Đỗ Duy N về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Đỗ Thị T, Vũ Thị H, Nguyễn Thị H, Vũ Thị Vân A, Bùi Thị T, Dương Văn T, Phạm Văn C, Trịnh Văn

B, Lê Văn T khai nhận: Ngày 08/5/2020, người phụ nữ tên H và người đàn ông tên T (chưa rõ lai lịch) chuẩn bị chén, đĩa sứ và quân vị (được làm từ vỏ hạt dừa có mặt ngoài màu đỏ, mặt trong màu trắng) tổ chức xóc bạc tại khu vực đường bờ đê C, thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng để cho mọi người đánh bạc. Hàng ngày xóc bạc được tổ chức từ 15 giờ đến 18 giờ, sau mỗi buổi đánh bạc T và H sẽ cất đĩa, chén vào gầm ghế salon có sẵn cạnh đường. Xóc bạc chơi dưới hình thức xóc đĩa ăn tiền, quy định: Cửa chắn là cả 04 quân vị xấp, hoặc cả 04 quân vị ngựa, hoặc 02 quân vị xấp 02 quân vị ngựa. Cửa lẻ là 03 quân vị xấp 01 quân vị ngựa, hoặc 03 quân vị ngựa 01 quân vị xấp. Người chơi đặt cửa thấp nhất là 50.000 đồng, cao nhất là 500.000 đồng. Trong trường hợp cửa chắn và cửa lẻ có số tiền khác nhau thì người cầm cái sẽ đặt tiền vào cửa ít hơn để số tiền ở hai cửa bằng nhau. Khi người chơi đặt cửa đúng với quân vị khi mở bát thì được coi là thắng và được nhận số tiền bằng số tiền mình đặt cược, nếu thua thì mất số tiền mình đặt cược. Ngày 08/5/2020, H lấy chén, đĩa ra cầm cái cho mọi người đánh bạc, Tuấn làm nhiệm vụ giam tiền. Sau đó, H có việc nghe điện thoại nên chuyển cho Đỗ Thị T xóc cái, T xóc cái được 03 ván, khi đang xóc cái ván thứ 04 thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, quá trình xóc cái, T không được hưởng lợi gì. Tại đám bạc cũng không có ai thu tiền hồ.

Tại Cơ quan công an bị cáo Đỗ Duy N khai nhận: Khoảng 16 giờ ngày 08 tháng 5 năm 2020 bị cáo đi bộ từ nhà ra chỗ đánh bạc để đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa ăn tiền, khi đi bị cáo mang theo 500.000đồng, khi đánh bạc bị cáo đứng bên trái Đỗ Thị T, Đỗ Thị T là người xóc cái và tại đám bạc bị cáo chỉ biết Đỗ Thị T. Bị cáo tham gia đánh bạc hai ván đều đặt cửa chắn, một ván đặt 100.000đồng và một ván đặt 200.000đồng, cả hai ván bị cáo đều thắng và được số tiền là 300.000đồng. Khi bị bắt bị cáo bị thu giữ trên người 800.000đồng, trong đó có 500.000đồng là tiền bị cáo cầm theo để đánh bạc và 300.000đồng bị cáo thắng bạc. Khi đánh bạc bị cáo không thấy ai thu tiền hồ.

Về số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc gồm: Đỗ Thị T khai mang theo 1.700.000 đồng để đánh bạc, đặt cửa lẻ 03 ván và thua 700.000 đồng, số tiền 1.700.000 đồng T bị thu giữ gồm 1.000.000 đồng tiền T mang đi đánh bạc còn lại và nhặt tại chiếu bạc 700.000 đồng khi bỏ chạy; Vũ Thị H mang theo 200.000 đồng để đánh bạc, đặt cửa chắn 01 ván và thua hết, khi bị bắt H bị thu giữ 11.085.000 đồng (không dùng để đánh bạc); Nguyễn Thị H mang theo 300.000 đồng để đánh bạc, đặt cửa lẻ 01 ván và bị thua hết, khi bị bắt Nguyễn Thị H bị thu giữ 1.700.000 đồng và 01 điện thoại Nokia màu đen trắng (không dùng để đánh bạc); Văn A mang theo 200.000 đồng để đánh bạc, đặt cửa lẻ 02 ván và bị thua hết, khi bị bắt V bị thu giữ 01 điện thoại Nokia màu xanh đen (không dùng để đánh bạc); Bùi Thị T mang theo 200.000 đồng để đánh bạc, đặt cửa lẻ 03 ván và bị thua hết; Dương Văn T mang theo 5.000.000 đồng để đánh bạc, đặt cửa lẻ 04 ván, thắng cả 04 ván được 1.200.000 đồng, khi bị bắt T bị thu giữ 6.200.000 đồng là tiền mang đi đánh bạc và tiền thắng bạc; C mang theo 250.000 đồng để đánh bạc, đặt cửa lẻ 01 ván 50.000 đồng và bị thua, 200.000 đồng còn lại C vớt lại chiếu bạc khi bị bắt giữ; B mang theo 500.000 đồng để đánh bạc, đặt cửa lẻ 02 ván và bị thua hết, khi bị bắt B bị thu giữ 2.000.000 đồng là tiền B nhặt tại chiếu bạc khi bỏ chạy

và 03 điện thoại di động gồm 01 điện thoại Iphone màu trắng hồng, 01 điện thoại Iphone 5 màu ghi đen và 01 điện thoại Nokia màu đen (không dùng để đánh bạc); Lê Văn T mang theo 2.000.000 đồng để đánh bạc, đặt cửa chặn 04 ván và bị thua hết, khi bị bắt Lê Văn T bị thu giữ 500.000 đồng (không dùng để đánh bạc). N mang theo 500.000 đồng để đánh bạc, đặt cửa chặn 02 ván, thắng cả 02 ván được 300.000 đồng, khi bị bắt N bị thu giữ 800.000 đồng là tiền mang theo để đánh bạc và tiền thắng bạc.

Như vậy, tổng số tiền và tài sản lực lượng Công an thu giữ là 39.985.000 đồng và 05 điện thoại di động. Trong đó có 26.700.000 đồng dùng để đánh bạc, còn 13.285.000 đồng và 05 điện thoại di động không sử dụng vào việc đánh bạc.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên toà trình bày lời luận tội đối với các bị cáo. Qua phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đỗ Thị T, Vũ Thị H, Nguyễn Thị H, Vũ Thị Vân A, Bùi Thị T, Dương Văn T, Lê Văn T, Phạm Văn C, Trịnh Văn B và Đỗ Duy N đồng phạm tội Đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Thị T và Dương Văn T (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Dương Văn T):

+ Xử phạt bị cáo Đỗ Thị T từ 15 đến 18 tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Dương Văn T từ 12 đến 15 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58, 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trịnh Văn B và Đỗ Duy N (áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Duy N) xử phạt bị cáo Trịnh Văn B và bị cáo Đỗ Duy N mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58, 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn C, Nguyễn Thị H, Vũ Thị Vân A, Vũ Thị H và Bùi Thị T (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn C và Nguyễn Thị H) xử phạt các bị cáo Phạm Văn C, Nguyễn Thị H, Vũ Thị Vân A, Bùi Thị T và Vũ Thị H mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 18 đến 24 tháng. Thời gian thử thách của các bị cáo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Lê Văn T, Phạm Văn C, Nguyễn Thị H, Vũ Thị Vân A, Vũ Thị H và Bùi Thị T cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt tiền các bị cáo Đỗ Thị T, Dương Văn T, Lê Văn T, Trịnh Văn B, Phạm Văn C, Nguyễn Thị H, Vũ Thị Vân A, Vũ Thị H và Đỗ Duy N mỗi bị cáo từ 3.000.000đồng đến 5.000.000 đồng, miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Bùi Thị T.

Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 chén sứ, 01 đĩa sứ, 04 vỏ hạt dưa và 09 ghế nhựa; Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 26.700.000đồng; đối với số tiền 11.085.000đồng thu của bị cáo H, số tiền 1.700.000đồng và 01 điện thoại thu của bị cáo Huyền, số tiền 500.000đồng thu của bị cáo Lê Văn T, 01 điện thoại di động thu của bị cáo Vân Anh và 03 điện thoại thu của bị cáo B là tài sản của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo H, Nguyễn Thị H, Vân Anh, Lê Văn T và B nhưng cần tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về việc vắng mặt của bị cáo Đỗ Duy N: Bị cáo Đỗ Duy N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, xét thấy bị cáo Đỗ Duy N đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và việc vắng mặt của bị cáo không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị xét xử vắng mặt của bị cáo Đỗ Duy N và căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vụ án vắng mặt bị cáo Đỗ Duy N.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

- Về tội danh và các chứng cứ xác định có tội:

[3] Lời khai của các bị cáo Đỗ Thị T, Vũ Thị H, Nguyễn Thị H, Vũ Thị Vân A, Bùi Thị T, Dương Văn T, Phạm Văn C, Lê Văn T, Trịnh Văn B tại phiên tòa và lời khai của bị cáo Đỗ Duy N tại cơ quan điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 08 tháng 5 năm 2020 các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền ở bờ đê xóm C, thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, hành vi của các bị cáo đã phạm tội Đánh bạc quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[4] Tại thời điểm bắt giữ các bị cáo số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 26.700.000đồng nên Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố

Hải Phòng truy tố các bị cáo về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

- Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

[5] Tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm hại đến an toàn, trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu ở địa phương, đánh bạc là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác. Tại thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội do cố ý. Do vậy, đối với hành vi phạm tội của các bị cáo cần xử phạt một mức án thỏa đáng tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[6] Các bị cáo Đỗ Thị T, Vũ Thị H, Nguyễn Thị H, Vũ Thị Vân A, Bùi Thị T, Dương Văn T, Lê Văn T, Phạm Văn C và Đỗ Duy N không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Đối với bị cáo Trịnh Văn B bị cáo có một tiền án tại bản án số 01/2008/HSST ngày 17 tháng 01 năm 2008 Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, phạt tiền là hình phạt bổ sung và chịu án phí hình sự. Ngày 13/12/2009 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, tại phiên tòa bị cáo khai từ khi chấp hành xong hình phạt tù đến ngày bị bắt bị cáo không nhận được thông báo hay quyết định thi hành án của Cơ quan thi hành án yêu cầu bị cáo thi hành khoản tiền án phí, tiền phạt của bản án trên nên bị cáo không biết để thi hành. Sau khi bị bắt bị cáo mới biết là bị cáo chưa thi hành tiền án phí, tiền phạt của bản án trên và bị cáo đã nhờ người nhà đi nộp. Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 29/6/2020 Tòa án nhân dân quận Kiến An giao bản án hình sự trên cho Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, ngày 01/7/2020 người nhà bị cáo nộp tiền án phí, tiền phạt theo quyết định của bản án trên và đến ngày 03/7/2020 Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An mới ra quyết định thi hành án đối với bị cáo để thi hành tiền án phí, tiền phạt và tiền lãi của bản án trên. Như vậy, việc bị cáo chậm nộp án phí, tiền phạt là do lỗi của cơ quan tiến hành tố tụng khi chậm gửi bản án dẫn đến việc chậm ra quyết định thi hành án nên theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, trường hợp của bị cáo được coi như đã thi hành xong bản án và đương nhiên được xóa án tích, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[8] Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo Đỗ Thị T, Vũ Thị H, Nguyễn Thị H, Vũ Thị Vân A, Bùi Thị T, Dương Văn T, Lê Văn T, Phạm Văn C, Đỗ Duy N đều chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Dương Văn T có mẹ đẻ có công với cách mạng và anh trai được tặng huân chương chiến công; bị cáo Phạm Văn C có ông ngoại có công với cách mạng, là thương binh 4/4; bị cáo Nguyễn Thị H có

bổ để là người có công với cách mạng nên các bị cáo Dương Văn T, Phạm Văn C và Nguyễn Thị H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Đây là vụ án đồng phạm, Hội đồng xét xử phân hóa vai trò của các bị cáo trong vụ án như sau: Các bị cáo cùng cố ý thực hiện hành vi đánh bạc trái phép không có ai chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc chơi xóc đĩa ăn tiền nên Hội đồng xét xử đánh giá đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có tổ chức cần áp dụng các điều 17, 58 Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo. Bị cáo Đỗ Thị T là người cầm cái và trực tiếp đánh bạc ba ván xác định bị cáo Đỗ Thị T là người có vai trò cao nhất trong vụ án; bị cáo Dương Văn T là người có số lần đánh bạc và số tiền đánh bạc nhiều nhất nên bị cáo có vai trò sau bị cáo Đỗ Thị T và cao hơn các bị cáo còn lại; bị cáo Lê Văn T có số tiền đánh bạc sau bị cáo Đỗ Thị T và bị cáo Dương Văn T nên xác định bị cáo có vai trò sau các bị cáo Đỗ Thị T và Tuyên nhưng cao hơn các bị cáo còn lại; bị cáo Đỗ Duy N và bị cáo Trịnh Văn B có số lần và số tiền đánh bạc như nhau và thấp hơn các bị cáo Đỗ Thị T, Dương Văn T, Lê Văn T nên các bị cáo có vai trò thấp hơn các bị cáo Đỗ Thị T, Dương Văn T và Lê Văn T nhưng cao hơn các bị cáo còn lại; các bị cáo Nguyễn Thị H, Phạm Văn C, Vân A, Vũ Thị H và Bùi Thị T có số tiền đánh bạc ít hơn các bị cáo trên nên các bị cáo có vai trò ngang nhau và thấp nhất trong vụ án.

[10] Xét bị cáo Đỗ Thị Thuỷ và Dương Văn T là người có vai trò cao trong vụ án nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung, do bị cáo Đỗ Thị T có vai trò cao hơn bị cáo Tuyên nên hình phạt áp dụng đối với bị cáo Đỗ Thị T cao hơn bị cáo Dương Văn T.

[11] Bị cáo Lê Văn T là người có vai trò thứ ba sau các bị cáo Đỗ Thị T, Dương Văn T nên áp dụng hình phạt tù thấp hơn các bị cáo Đỗ Thị T và Dương Văn T, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết buộc bị cáo phải cách ly xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[12] Đối với bị cáo Trịnh Văn B và Đỗ Duy N vai trò như nhau và đứng sau các bị cáo Đỗ Thị T, Dương Văn T và Lê Văn T nhưng bị cáo B có một tiền án đã được xóa cho thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo Đỗ Duy N trong thời gian bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đã phạm tội và bị khởi tố về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, điều đó cho thấy bị cáo N là người coi thường pháp luật, vi phạm nghĩa vụ của người đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo Trịnh Văn B và Đỗ Duy N. Do bị cáo N có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo B nên hình phạt áp dụng đối với bị cáo N thấp hơn bị cáo B.

[13] Đối với các bị cáo Phạm Văn C, Vũ Thị H, Nguyễn Thị H, Vũ Thị Vân A và Bùi Thị T vai trò thấp hơn so với các bị cáo khác, các bị cáo đều chưa có tiền án tiền sự, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy

định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết buộc các bị cáo phải cách ly xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung:

[14] Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự các bị cáo có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 50.000.000đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước. Xét tính chất, mức độ tội phạm của các bị cáo, hoàn cảnh gia đình, bản thân các bị cáo thu nhập không ổn định nên phạt bổ sung các bị cáo Đỗ Thị T, Dương Văn T, Lê Văn T mỗi bị cáo 5.000.000đồng, phạt các bị cáo Trịnh Văn B, Đỗ Duy N, Phạm Văn C, Vũ Thị H, Nguyễn Thị H, Vũ Thị Vân A mỗi bị cáo 3.000.000đồng. Đối với bị cáo Bùi Thị T hiện nay đã hết tuổi lao động, không có thu nhập nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo T.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

[15] Đối với 01 chén bằng sứ, 04 quân vị bằng vỏ hạt dưa và 09 ghế nhựa là công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[16] Đối với số tiền 26.700.000đồng là số tiền liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[17] Về số tiền 11.085.000đ đồng thu của bị cáo H, số tiền 1.700.000đồng và 01 điện thoại Nokia màu đen trắng thu của bị cáo Huyền, 01 điện thoại Nokia màu xanh đen thu của bị cáo Vân Anh, số tiền 500.000đồng thu của bị cáo Lê Văn T và 03 điện thoại (gồm 01 điện thoại Iphone màu trắng hồng, 01 điện thoại Iphone 5 màu ghi đen và 01 điện thoại Nokia màu đen) thu của bị cáo B là tài sản của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo Vũ Thị H, Nguyễn Thị H, Vân A, Lê Văn T và B. Tuy nhiên, cần tạm giữ số tiền và các tài sản trên để đảm bảo việc thi hành án dân sự của các bị cáo.

- Về các vấn đề khác:

[18] Các đối tượng tên H, T có hành vi chuẩn bị chén, đĩa sứ, vỏ hạt dưa, xóc cái, giam tiền tại xới bạc và một số đối tượng đánh bạc bỏ chạy, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra đã tách ra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

[19] Về án phí: Các bị cáo Đỗ Thị T, Dương Văn T, Lê Văn T, Trịnh Văn B, Đỗ Duy N, Phạm Văn C, Nguyễn Thị H, Vũ Thị Vân A và Vũ Thị H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Bùi Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38 và 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đỗ Thị T và Dương Văn T (căn cứ thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Dương Văn T), xử phạt:

- Bị cáo Đỗ Thị T (tên gọi khác: H) 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù của bị cáo Đỗ Thị T tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được trừ 08 ngày tạm giữ (từ ngày 08/5/2020 đến ngày 15/5/2020) vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

- Bị cáo Dương Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù của bị cáo Dương Văn T tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được trừ 08 ngày tạm giữ (từ ngày 08/5/2020 đến ngày 15/5/2020) vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58, 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 13 (Mười ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 26 (Hai mươi sáu) tháng về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn B (tên gọi khác: Trịnh Văn Phong) 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù của bị cáo Trịnh Văn B tính từ ngày 08/5/2020.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Đỗ Duy N 10 (Mười) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù của bị cáo Đỗ Duy N tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được trừ 08 ngày tạm giữ (từ ngày 08/5/2020 đến ngày 15/5/2020) vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58, 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn C, Nguyễn Thị H, Vũ Thị Vân A và Vũ Thị H (căn cứ thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị H và Phạm Văn C), xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Thị H 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng về tội “Đánh bạc”.

- Bị cáo Phạm Văn C 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng về tội “Đánh bạc”.

- Bị cáo Vũ Thị Vân A 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng về tội “Đánh bạc”.

- Bị cáo Vũ Thị H 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58, 65 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Bùi Thị T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng về tội “Đánh bạc”.

Thời gian thử thách của các bị cáo Phạm Văn C, Nguyễn Thị H, Vũ Thị H, Vũ Thị Vân A và Bùi Thị T tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Lê Văn T, Phạm Văn C, Vũ Thị Vân A, Vũ Thị H, Nguyễn Thị H và Bùi Thị T cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Đỗ Thị T, Dương Văn T và Lê Văn T mỗi bị cáo 5.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước. Phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Trịnh Văn B, Đỗ Duy N, Nguyễn Thị H, Phạm Văn C, Vũ Thị Vân A và Vũ Thị H mỗi bị cáo 3.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Bùi Thị T.

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 68/2020/HSST-LCCT ngày 21 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Vũ Thị H, Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 70/2020/HSST-LCCT ngày 21 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Lê Văn T, Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 73/2020/HSST-LCCT ngày 21 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Phạm Văn C; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 75/2020/HSST-LCCT ngày 21 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Vũ Thị Vân A; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 74/2020/HSST-LCCT ngày 21 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Bùi Thị T; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 69/2020/HSST-LCCT ngày 21 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 chén bằng sứ, 01 đĩa bằng sứ, 04 quân vi bằng vỏ hạt dưa và 09 ghế nhựa; Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 26.700.000 đồng; Tạm giữ số tiền 11.085.000 đồng thu của bị cáo Vũ Thị H, số tiền 1.700.000 đồng và 01 điện thoại di động Nokia màu đen trắng thu của bị cáo Vũ Thị Huyền, số tiền 500.000 đồng thu của bị cáo Lê Văn T, 01 điện thoại di động Nokia màu xanh đen thu của bị cáo Vũ Thị Vân A và 03 điện thoại (gồm 01 điện thoại Iphone màu trắng hồng, 01 điện thoại Iphone 5 màu ghi đen và 01 điện thoại Nokia màu đen) thu của bị cáo Trịnh Văn B để đảm bảo thi hành án dân sự của các bị cáo Lê Văn T, Vũ Thị H, Vũ Thị Vân A, Nguyễn Thị H và Trịnh Văn B (*Toàn bộ vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương đang quản lý theo tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/7/2020, số tiền tịch thu và số tiền tạm giữ của các bị cáo nộp tại Biên lai thu tiền số 0003662 ngày 20/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương*).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016: Buộc các bị cáo Đỗ Thị T, Dương Văn T, Lê Văn T, Trịnh Văn B, Đỗ Duy N, Nguyễn Thị H, Phạm Văn C, Vũ Thị Vân A, Vũ Thị H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo Bùi Thị T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo Đỗ Duy N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương;
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- UBND xã A, huyện A, T.P Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng
- Phòng PV 06 và PC 10 Công an T.P Hải Phòng;
- Sở Tư pháp Hải Phòng;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Liên

